

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 323/TTr-SGTVT ngày 04 tháng 5 năm 2023.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải /UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Cổng Dịch vụ công tỉnh;
- LĐVP, CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.



CHỦ TỊCH

Lâm Minh Thành



**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1868 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

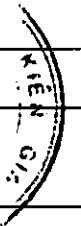
**PHẦN I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
I. Lĩnh vực Đường bộ (63 thủ tục)		
1	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	
2	Đăng ký khai thác tuyến	
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	
4	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
5	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	
6	Cấp phù hiệu xe trung chuyển	
7	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	
8	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển	
9	Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
10	Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
11	Cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	
14	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	
15	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dụng bị mất	
17	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	
18	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
19	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	
20	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	-
21	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	
22	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	
23	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	
24	Cấp Giấy phép xe tập lái	
25	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	
26	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
27	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)	
28	Cấp lại chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
29	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	
30	Cấp giấy phép lái xe quốc tế	
31	Cấp lại giấy phép lái xe quốc tế	
32	Cấp mới giấy phép lái xe	
33	Cấp lại giấy phép lái xe	
34	Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	
35	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	
36	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	
37	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	
38	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	
39	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	
40	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam- Lào - Campuchia	
41	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
42	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	
43	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện phi thương mại là xe công vụ, xe của các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái trừ phương tiện của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao đóng tại Hà Nội	
44	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
45	Gia hạn Giấy phép liên vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	
46	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	
47	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	
48	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	
49	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	
50	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	
51	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	
52	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	
53	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	
54	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	
55	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	
56	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	
57	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	
58	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	
59	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác	
60	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác	
61	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
62	Gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	
63	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	
II. Lĩnh vực Đường thủy nội địa (53 thủ tục)		
1	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.	
3	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
4	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	
5	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
6	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	
7	Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
8	Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
9	Cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
10	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	
12	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	
13	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải	
14	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
15	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
16	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
17	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
18	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
20	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
22	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
23	Cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam – Campuchia cho phương tiện	
24	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	
25	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	
26	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	
27	Công bố mở luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	
28	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	
29	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	
30	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa.	
31	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	
32	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	
33	Chấp thuận điều chỉnh phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
34	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	
35	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
36	Công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
37	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
38	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
39	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
40	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
42	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
43	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	
44	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	
45	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	
46	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	
47	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	
48	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	
49	Thiết lập khu neo đậu	
50	Công bố hoạt động khu neo đậu	
51	Công bố đóng khu neo đậu	
52	Công bố lại cảng thủy nội địa	
53	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	
III. Lĩnh vực Hàng hải (05 thủ tục)		
1	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức cá nhân Việt Nam	
2	Chấp thuận phương tiện vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến bằng tàu cao tốc đối với tổ chức cá nhân Việt Nam.	
3	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh	

11/2/2018

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
4	Phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa	
5	Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP HUYỆN		
Lĩnh vực Đường thủy nội địa (13 thủ tục)		
1	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức cá nhân Việt Nam	
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
3	Đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
10	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
11	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
13	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ		
Lĩnh vực Đường thủy nội địa (09 thủ tục)		
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
3	Đăng ký phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người)	
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	

TIỀN Q.